

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2022
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Việt;
2. Ông Hà Quốc Sử.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2021/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 17B10, khóm Đông H, phường Đông X, thành phố L, tỉnh A. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Dương Hồng D, sinh năm 1962.

Địa chỉ thường trú: 151/2 Thoại Ngọc H, khóm 5, phường Mỹ L, thành phố L, tỉnh A.

Địa chỉ tạm trú: 138/18 hẻm Trần Hưng Đ, phường Mỹ Bình, thành phố L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Kim C trình bày:

Xuất phát từ quan hệ đồng nghiệp, công tác tại Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao tỉnh A, nên theo yêu cầu của ông Dương Hồng D bà có chuyển khoản cho ông D vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) theo giấy ủy nhiệm chi ngày 10/3/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là BIDV), ông D có viết Giấy nợ với nội dung *“Tôi: Dương Hồng D là nhân viên Bảo vệ thuộc Trung tâm Đào tạo, huấn luyện và thi đấu TDTT AG. Có mượn của cô C HL viên VCT số tiền là 20.000.000đ. Tôi hứa sẽ trả mỗi tháng 1 triệu bắt đầu trả lương tháng 2/2021”*. Trong đó, gồm 15.000.000 đồng bà chuyển khoản vào ngày 10/3/2020 và 5.000.000 đồng ông D mượn trả khấu chi vào năm 2019.

Sau khi viết Giấy nợ, ông D không thanh toán như cam kết, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông D vẫn không thực hiện. Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà yêu cầu ông D trả số tiền 20.000.000 đồng như cam kết tại Giấy nợ, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính Giấy nợ do ông Dương Hồng D viết, ký tên (không ghi ngày tháng năm).

Yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 04 tháng 01 năm 2022 để đảm bảo thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Hồng D mặc dù được triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay ông D tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý giải quyết. Thủ tục tổng đạt, niêm yết thực hiện đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim C. Buộc bị đơn ông Dương Hồng D trả cho bà C số tiền 20.000.000 đồng.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 04 tháng 01 năm 2022 để đảm bảo thi hành án.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Kim C chịu thay 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền án phí cho bị đơn ông Dương Hồng D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Kim C khởi kiện ông Dương Hồng D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông D có địa chỉ thường trú tại 151/2 Thoại Ngọc H, khóm 5, phường Mỹ L, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Bà C không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Hồng D.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ông Dương Hồng D trả số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Giấy nợ do ông Dương Hồng D viết, ký tên (không ghi ngày tháng năm).

[3] Quá trình thực hiện thủ tục tố tụng, mặc dù được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông D vắng mặt. Tại phiên tòa được mở xét xử lần thứ hai, ông D tiếp tục vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền lợi của ông trong vụ án là ông D đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an phường Mỹ L, thành phố L ngày 03 tháng 11 năm 2021 thể hiện: Dương sự Dương Hồng D, sinh năm 1962 có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại 151/2 đường Thoại Ngọc H, khóm 5, phường Mỹ L, thành phố L, tỉnh A.

[5] Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, ông D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã thông báo cho ông D biết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng ông D vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến, trình bày hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc nguyên đơn trình bày có nhận tiền lãi do bị đơn nộp với mức lãi suất 3% tháng trên số tiền nợ lần đầu là 5.000.000 đồng và nợ lần sau 15.000.000 đồng là cao so với quy định pháp luật. Qua lời trình bày của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy, đối với số tiền lãi bà C nhận của ông D trên số nợ 20.000.000 đồng là 2.550.000 đồng, ngoài lời trình bày bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến việc nhận tiền lãi của ông D. Hơn nữa, bản chính Giấy nợ ông D ghi nhận nợ của bà C cũng không ghi ngày, tháng năm và không xác định được thời điểm cụ thể của khoản nợ 5.000.000 đồng và 15.000.000 đồng, cộng chung là 20.000.000 đồng. Mặt khác, sau khi viết giấy nợ, ông D cũng không trả lãi và thanh toán dần cho bà C mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay là thiệt thòi cho bà C. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ bản chính Giấy nợ do ông Dương Hồng D viết, ký tên (không ghi ngày tháng năm) để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C buộc ông D trả bà C 20.000.000 đồng, không điều chỉnh phần tiền lãi bị đơn đã thanh toán như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 04 tháng 01 năm 2022 để đảm bảo thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích trên ông D có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà C. Do đó, bà C yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 04 tháng 01 năm 2022 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông D là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2021/QĐ-BPBD, ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Bà C được nhận lại tiền đã nộp Biện pháp bảo đảm và lãi nếu có tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là BIDV), chi nhánh A theo Giấy yêu cầu phong tỏa tài khoản/tài sản; số dư tài khoản số 701.10.00.016702.9, ngày 04/01/2022.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông D có nghĩa vụ chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà C là 20.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà C tự nguyện chịu thay cho ông D số tiền này, nên được trừ vào 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Bà C còn phải nộp thêm 500.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 111; Điều 112; Điều 126; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466; 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim C đối với ông Dương Hồng D.

1.1. Buộc ông Dương Hồng D có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim C số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

1.2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 04 tháng 01 năm 2022 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của ông Dương Hồng D.

1.3. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2021/QĐ-BPBD, ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Bà C được nhận lại tiền đã nộp Biện pháp bảo đảm và lãi nếu có tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt BIDV), chi nhánh A theo Giấy yêu cầu phong tỏa tài khoản/tài sản; số dư tài khoản số 701.10.00.016702.9, ngày 04/01/2022.

2. Về án phí: Công nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Kim C tự nguyện chịu thay ông Dương Hồng D 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí. Được trừ vào 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000612, ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà C còn phải nộp thêm 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh A;
- VKS ND TP L;
- Thi hành án DS TP L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa